TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:117/2023/HS-ST
Ngày 29 - 12 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Biên

Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hướng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 125/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:104a/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1.Nguyễn Văn T, sinh năm 1988. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: KDC CX, phường DT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị D; Có vợ Nông Thị L và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền sự: Không; Tiền án:

Tại bản án số 77 ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn (nay là thị xã Kinh Môn), xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 2.100.000 đồng). Ngày 27/5/2020 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 07/5/2021 chấp hành xong án phí HSST.

Tại bản án số 33 ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 700.000 đồng). Ngày 27/9/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 29/9/2021 chấp hành xong án phí HSST.

Tại bản án số 74 ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xử phạt 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản là 11.970.000 đồng, bản án

xác định tái phạm). Ngày 25/6/2023 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 21/12/2022 chấp hành xong án phí HSST.

Nhân thân: Tại bản án số 65 ngày 25/4/2011 của Tòa án nhân dân quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 13/9/2012 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 22/8/2011 chấp hành xong án phí HSST.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Phạm Đức C, sinh năm 1990. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: KDC CX, phường DT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn X và bà Nguyễn Thị T; Có vợ Nguyễn Thị T1 và có 01 con sinh năm 2014. Tiền án:

Bản án số 43 ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (trị giá tài sản 6.550.000 đồng). Ngày 25/4/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 30/7/2020 chấp hành xong án phí HSST và án phí DSST. Về bồi thường dân sự cho anh Nguyễn Văn Quý số tiền 2.050.000 đồng, đến nay anh Quý chưa có đơn yêu cầu thi hành án.

Bản án số 20 ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (trị giá tài sản 6.345.000 đồng, bản án xác định tái phạm). Ngày 29/10/2022 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 23/6/2022 chấp hành xong án phí HSST và án phí DSST.

Tiền sự: Ngày 25/12/2021, Công an thị xã Kinh Môn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, phạt 750.000 đồng, C chưa nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/10/2023 đến ngày 10/10/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.Có mặt.

Người bị hại:

1.Anh Trương Văn D1, sinh năm 1981 và chị Phạm Thị L, sinh năm 1983; Đều có địa chỉ: Thôn N, MH, KM, Hải Dương (Anh D1 ủy quyền cho chị L). Vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T, có mặt; anh Phạm Văn H và chị Trần Thị H1, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 16/8/2023, Phạm Đức C đến Trung tâm y tế thị xã KM để uống thuốc Methadon thì gặp Nguyễn Văn T. Tại đây, T rủ C đi trộm cắp tài sản, C đồng ý. Sau đó C điều khiển xe mô tô nhãn hiện Wave màu đỏ (không xác định được biển số xe) chở T đi trên các tuyến đường thuộc thị xã KM để xem ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Đến khoảng 09 giờ 18 phút cùng ngày, C điều khiển xe đi qua cửa hàng bán hàng đồ điện dân dụng DL của vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Trương Văn D1. Quan sát thấy có các cuộn dây điện màu vàng được xếp chồng lên nhau để tại vị trí giữa, sát cửa của cửa hàng, không có người trông coi, T bảo C "quay lại để lấy mấy cuộn dây điện". C đồng ý rồi điều khiển xe quay lại dừng xe ở trước cửa hàng, ngồi trên xe cảnh giới, còn T xuống xe đi bộ đến vị trí để các cuộn dây điện bê 04 cuộn dây điện (có đặc điểm: 01 cuộn nhãn hiệu TEASUNG, do Hàn Quốc sản xuất, kích thước (2x0,75)mm, dài 200m; 01 cuộn nhãn hiệu TEC do Việt Nam sản xuất, kích thước (2x2,5)mm, dài 100m; 01 cuộn dài 55m do Việt Nam sản xuất, nhãn hiệu KIASUNG, kích thước (2x2,5)mm; 01 cuộn dài 08m do Việt Nam sản xuất, nhãn hiệu KIASUNG, kích thước (2x0,75)mm). T bê đi ra vị trí C dừng xe, lúc này chị L đi từ trong cửa hàng đi ra, thấy vậy T ôm các cuộn dây điện ngồi lên phía sau xe của C, C điều khiển xe đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Trần Thị H1, sinh năm 1977 tại thôn TN, xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng bán 04 cuộn dây điện trên được số tiền 1.800.000 đồng. T và C chia nhau mỗi người 900.000 đồng, đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 02/10/2023, Phạm Đức C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh đầu thú, khai nhận hành vi nêu trên.

Cơ quan điều tra đã quản lý 01USB nhãn hiệu HOCO, 32GB ghi lại hình ảnh video có liên quan đến vụ án do chị Bùi Thị L giao nộp ngày 19/8/2023. Bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của C) sau khi biết việc C và T bán tài sản trộm cắp cho chị H1, bà Thuý đã đến mua lại 04 cuộn dây điện nêu trên và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn vào ngày 01/9/2023.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Kinh Môn, kết luận: 01 cuộn dây điện nhãn hiệu TAESUNG, do Hàn Quốc sản xuất, kích thước (2x0,75)mm, loại dài 200m (nguyên cuộn, mới 100%), có giá trị còn lại: 1.240.000 đồng; 01 cuộn dây điện nhãn hiệu TEC, do Việt Nam sản xuất, kích thước (2x2,5)mm, loại dài 100m (nguyên cuộn, mới 100%), có giá trị còn lại là: 1.330.000 đồng; 55m dây

điện nhãn hiệu KIASUNG, màu vàng, do Việt Nam sản xuất, kích thước (2x2,5)mm (mới 100%), có giá trị là: 819.280 đồng; 08m dây điện nhãn hiệu KI-ASUNG, màu vàng, do Việt Nam sản xuất, kích thước (2x0,75)mm (mới 100%), có giá trị còn lại là: 40.880 đồng. Tổng trị giá tài sản là: 3.430.160 đồng.

Tại Kết luận giám định số 7201 ngày 27/10/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ công an, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video gửi giám định.

Về vật chứng: Ngày 03/11/2023, Cơ quan điều tra trả lại cho chị Bùi Thị L 04 cuộn dây điện nêu trên.

Đối với xe mô tô Honda Wave màu đỏ không rõ biển số, bị cáo Phạm Đức C khai mua xe mô tô trên của một người không quen biết tại xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng từ tháng 6/2023 với giá 3.000.000 đồng. Sau khi trộm cắp tài sản, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên C đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết ở PT, KT, Hải Dương với giá 2.000.000 đồng. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Chị L và chị H1, bà Thuý không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 30/11/2023, VKSND thị xã Kinh Môn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Đức C về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Người bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không yêu cầu bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.Vị đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Đức C phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b,s,h khoản 1 Điều 51, điều 38,17,58 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn T từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày thi hành án; Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b,s,h khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điều 38,17,58 Bộ luật

Hình sự xử phạt Phạm Đức C từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn được tính từ ngày tạm giữ 02/10/2023.

Ngoài ra quan điểm Đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết về biện pháp tư pháp, án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo vẫn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ 18 phút ngày 16/8/2023 tại cửa hàng của vợ chồng chị Bùi Thị L và anh Trương Văn D1 ở thôn N, xã MH, thị xã KM, tỉnh Hải Dương. Nguyễn Văn T, Phạm Đức C đã thực hiện hành vi trộm cắp 04 cuộn dây điện, có tổng trị giá là 3.430.160 đồng, sau đó đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, lần phạm tội này các bị cáo đều thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, VKSND thị xã Kinh Môn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Đức C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội nói chung và tại địa bàn xã MH nói riêng. Do vậy các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả của các bị cáo đã gây ra mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Trong vụ

án này, Nguyễn Văn T là người rủ Phạm Đức C đi trộm cắp tài sản, trực tiếp lấy tài sản có vai trò chính. Phạm Đức C dùng xe chở T và cảnh giới cho T lấy tài sản là đồng phạm tích cực. Nên cần có một mức án nghiêm khắc phù hợp với hành vi và hậu quả của các bị cáo gây ra mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Song cũng nên xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, cùng có ý thức khắc phục hậu quả. Do vậy, cần xem xét áp dụng cho các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội thành khẩn khai báo","người phạm tội đã làm giảm bớt tác hại của tội phạm", "phạm tội gây thiệt hại không lớn" được quy định tại điểm a, s, h khoản 1 điều 51 BLHS. Quá trình điều tra bị cáo C tự đầu thú, nên đối với C còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Song đối với các bị cáo đều có nhân thân xấu, lần phạm tội này các bị cáo đều bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt tái phạm nguy hiểm, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Xét tính chất, mức độ, nhân thân, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các của bị cáo nên cho dù có xem xét, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo đến đâu, cũng đều buộc các bị cáo cách ly xã hội trong thời gian nhất định tương xứng với hành vi, vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án là phù hợp.

[4] Trong vụ án này, đối với chị Trần Thị H1 khi mua các cuộn dây điện, chị H1 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn không xử lý đối với chị H1.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại điều luật có quy định, song xét điều kiện, nhân thân của các bị cáo nên không đặt ra việc áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo trong vụ án là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra việc giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra- Công an thị xã Kinh Môn đã tiến hành thu giữ và trao trả lại ngay cho người bị hại, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án. Đối với xe mô tô Honda Wave màu đỏ không rõ biển số, bị cáo Phạm Đức C dùng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, C đã bán chiếc xe trên với giá 2.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết, nên cần phải truy thu số tiền trên đối với C sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án thì mỗi bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm a,s,h khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm a,s,h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 38 BLHS đối với bị cáo Phạm Đức C.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 1 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 của BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Đức C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày phải thi hành án.

- Phạm Đức C 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn được tính kể từ ngày tạm giữ 02/10/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Tuyên truy thu số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn) của bị cáo Phạm Đức C sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Đức C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại. Tòa án báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công an thị xã Kinh Môn;
- Phòng HSNV Công an thị xã K.Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền